ĐẶC ĐIỂM HÌNH THỨC CỦA CON NGƯỜI NHÌN TỪ GÓC ĐỘ MIỀN NGUỒN CÔN TRÙNG

DƯƠNG THỊ MỸ DUNG
Trường Đại học Hải Phòng

Nhận bài ngày 10/4/2025. Sửa chữa xong 15/4/2025. Duyệt đăng 19/4/2025.

Abstract

The insect world is perceived both as an objective reality and as a reflection and preservation of the distinctive cultural values of the Vietnamese people. This process is encoded in linguistic expressions, becoming cultural signals and symbols that create subtle metaphors within the broader linguistic picture of the nation. In this study, the insect world is approached from a cultural perspective, offering deeper insights into the hidden layers of Vietnamese spiritual and cultural life.

Keywords: *Cognitive metaphor, insect source domain, spiritual world.*

1. Mở đầu

Thế giới côn trùng là một bộ phận quan trọng của môi trường tự nhiên. Việt Nam lại là quốc gia nằm trọn trong khu vực khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, phân bố thành 3 vùng khí hậu riêng biệt cộng với sự đa dạng về địa hình cho nên đã tạo ra những điều kiện sống thuận lợi cho lớp động vật này thích nghi và phát triển. Do đó, loài côn trùng có tác động mạnh mẽ đến đời sống vật chất, tập quán sinh hoạt, sản xuất và đời sống tinh thần của cư dân Việt. Trong suốt quá trình sinh tồn của mình, con người quan sát, tri nhận và biến chúng trở thành những thực thể tinh thần, cái thiên nhiên thứ hai mang ý thức in đậm dấu ấn tâm lí-văn hóa và tư duy dân tộc. Điều này được phản ánh rất rõ vào ngôn ngữ trong đó nhiều đơn vị, cấp độ như từ, ý nghĩa của từ và trường từ vựng ngữ nghĩa được đặc biệt quan tâm.

Nghiên cứu ngôn ngữ học theo hướng tri nhận giúp khám phá thêm nhiều phương diện mới của ngôn ngữ - văn hóa và tư duy dân tộc. Ngôn ngữ học tri nhận mặc dù ra đời một cách chính thức chỉ khoảng mấy chục năm trở lại đây song với việc xây dựng một hệ thống khái niệm lí thuyết mới mẻ về ẩn dụ ý niệm (conceptual metaphor), lí thuyết điển mẫu (the theory of prototype), không gian tinh thần (the metal space),… thì nó đã trở thành một phương pháp tiếp cận đặc hiệu và có tầm ảnh hưởng lớn đối với nghiên cứu ngôn ngữ (Gilles Fauconnier). Nghiên cứu ngôn ngữ học theo hướng tri nhận giúp khám phá thêm nhiều phương diện mới của ngôn ngữ - văn hóa và tư duy dân tộc. Theo đó, ẩn dụ ý niệm được hiểu là một cơ chế tri nhận bao gồm một miền mà một phần được ánh xạ, có nghĩa là được phóng chiếu, vào một miền khác hiểu theo miền đầu tiên. Miền được ánh xạ gọi là miền nguồn hay miền cho (source/domain) và miền để sơ đồ ánh xạ tác động đến là miền đích hay miền nhận (target/recipient domain) [2, tr. 46 - 47] hay chính là một sự chuyển di (transfer), một sự đồ họa (mapping) cấu trúc và các quan hệ nội tại của một lĩnh vực hay mô hình tri nhận nguồn sang một lĩnh vực hay mô hình tri nhận đích. [4, tr. 25]. Từ miền nguồn côn trùng, chúng tôi tìm hiểu các ẩn dụ ý niệm liên quan đến đặc điểm hình thức của con người. Giải mã quá trình này góp phần làm sáng rõ hơn đặc điểm tri nhận về thế giới cùng với lối tư duy trực quan, sinh động của người Việt.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đặc điểm của miền nguồn côn trùng

Ý niệm về phạm trù côn trùng là tập hợp của các đặc điểm thuộc tính được người Việt tri nhận. Áp dụng các thủ pháp nghiên cứu ngữ nghĩa một trường nghĩa, chúng tôi tiến hành khảo sát cấu trúc

Email:dungdtm85@dhhp.edu.vn

nghĩa biểu niệm của từ qua định nghĩa của 112 từ làm tên gọi loài côn trùng được ghi lại trong *Đại từ điển tiếng Việt* [5] bằng phương pháp phân tích thành tố nghĩa. Kết quả cho thấy có 20 nét nghĩa/nghĩa tố khu biệt tương ứng với 20 thuộc tính của loài côn trùng. Cụ thể là:

STT	Các nghĩa vị	Tần số xuất hiện	Thứ tự của tần số xuất hiện
1	Tên gọi chỉ loại	112	1
2	Quan hệ tôn ti	4	13
3	Chủ thể sở thuộc	6	12
4	Đặc điểm kích cỡ cơ thể	23	6
5	Đặc điểm hình dáng cơ thể	36	2
6	Đặc điểm cấu tạo cơ thể	20	8
7	Đặc điểm màu sắc	24	5
8	Đặc điểm mùi vị	4	13
9	Đặc điểm giới tính	2	15
10	Đặc điểm di chuyển	8	11
11	Thức ăn đặc trưng	32	3
12	Đặc điểm tiếng kêu	1	15
13	Đặc điểm sinh trưởng	2	14
14	Đặc điểm tập tính sinh sống	11	10
15	Đặc điểm sinh sản	2	14
16	Đặc điểm làm tổ	8	11
17	Môi trường sống	27	4
18	Đặc điểm thuần dưỡng	1	15
19	Đặc điểm thuộc tính bản năng sinh vật học	18	9
20	Vai trò đối với đời sống con người	21	7

Bảng 1: Các thuộc tính của phạm trù côn trùng dựa trên thuộc tính định danh

Trong số 112 định nghĩa được phân tích, những nét nghĩa chỉ đặc điểm hình thức của loài côn trùng như hình dáng cơ thể, màu sắc, kích cỡ, cấu tạo cơ thể có tần số xuất hiện với mật độ khá lớn là hoàn toàn phù hợp với tính chất trực quan, sinh động của quá trình nhận thức cảm tính của người Việt. Những yếu tố này vốn có tác động nhanh chóng và dễ dàng tạo ra những ấn tượng mạnh mẽ đối với thị giác phù hợp với lối tư duy cảm tính, trực quan của người Việt.

Trong từ điển tiếng Việt, các tên gọi loài côn trùng thường được định nghĩa thiên về loại định nghĩa đối tượng chứ không phải loại định nghĩa khái niệm.Các loài côn trùng được miêu tả rõ ràng về hình thức, thuộc tính, màu sắc, kích cỡ … Chính điều này có tác dụng khu biệt đối tượng lại có thể dễ dàng hình dung ra đối tượng một cách cụ thể. Chẳng hạn như: *Gián: bọ thân dẹp, râu dài, cánh mỏng, màu nâu, có mùi hôi, sống ở nơi tăm tối và ẩm*; hoặc: *Chuồn chuồn kim: chuồn chuồn rất nhỏ, thân và đuôi mảnh như cái kim …*

2.2. Sự ánh xạ từ miền nguồn "côn trùng" tới đặc điểm hình thức của con người

Trong sự tri nhận của người Việt, mọi bình diện đời sống con người đều được côn trùng quy chiếu đến. Quá trình ẩn dụ ý niệm trong trường từ vựng – ngữ nghĩa côn trùng diễn ra đa dạng và nhiều màu sắc trong đó phải kể đến sự ánh xạ ý niệm đến đặc điểm hình thức của con người.

Hình thức của con người được hiểu là toàn bộ những đặc điểm bên ngoài từ chiều cao, vóc dáng, đầu tóc, mặt mũi, chân tay, nước da… cho đến việc trang điểm và những thứ gọi chung là trang phục được người đó khoác lên mình như quần áo, váy vóc, giày dép, túi xách, mũ nón...

2.2.1. Hình thức con người là hình thức con côn trùng

Trong tiềm thức dân tộc, vẻ bề ngoài của loài động vật tự nó đã phân biệt những đặc điểm được xem là đẹp hay xấu tồn tại trong thế giới tự nhiên. Sự đánh giá về hình thức của con người cũng được quy chiếu bộc lộ thông qua sự đánh giá về đặc điểm hình thức côn trùng gắn với đặc trưng từng loài. Khi tri nhận về thế giới côn trùng, người Việt cố gắng chỉ ra những điểm tương thích giữa các bộ phận cơ thể của vật và người gắn với các thuộc tính về hình dáng, màu sắc, kích cỡ....

Theo đó, đặc điểm hình thức cấu tạo của những loài côn trùng khi được đánh giá dựa trên các tiêu chí đẹp/xấu, tích cực/tiêu cực sẽ là cơ sở chính tạo ra các hướng nghĩa biểu trưng về con người. Đây là

biểu hiện rõ nhất của ẩn dụ hình thức con người là hình thức con côn trùng. Về phương diện này, tác giả Triều Nguyên trong chuyên luận "Tìm hiểu thế giới động vật dưới góc độ ngôn ngữ - văn hóa dân gian người Việt (qua dẫn liệu vùng Thừa Thiên - Huế)" đã thống kê tên các loài sâu bọ được cho là từ xấu nhất đến đẹp nhất. Theo đó, bướm được coi là loài động vật đẹp. Vẻ đẹp ấy được ghi trong từ điển biểu tượng văn hóa thế giới như sau: ... *Nó lớn bằng đầu người và là con vật đẹp nhất trên đời. Tiếng vo ve và tiếng đập cánh vù vù của nó dịu dàng hơn tiếng kèn túi, đàn hạc và tù và. Cặp mắt của nó chiếu sáng ở trong bóng tối như các viên ngọc quý. Mùi và hương thơm của nó làm cho bất kì ai được nó đến gần sẽ quên cả đói và khát*. [1, tr. 112-113]. Hình ảnh con bướm được thêu trên những bộ trang phục, khăn áo là biểu tượng cao nhất của vẻ đẹp nữ tính hoặc thường xuất hiện song hành bên những đóa hoa kiều diễm trong các bức tranh tạo nên vẻ đẹp hoàn mĩ.

Đứng sau bướm, chuồn chuồn được đánh giá là khá đẹp còn tằm, ong thuộc nhóm trung (không xấu, không đẹp). Trong khi đó châu chấu là động vật hơi xấu, nhện được đánh giá là xấu và quá xấu có bọ chét, bọ xít, chấy, muỗi và sâu bọ nói chung. Xuất phát từ đặc điểm bản thể của loài côn trùng mà chúng được tri nhận chuyển sang trường nghĩa người với ý nghĩa biểu trưng cho vẻ ngoài xấu đẹp của con người một cách trực quan, sinh động. Điều này được thể hiện ngay trên những biểu thức ngôn ngữ kiểu như: Xác như vờ, xơ như nhộng; rạc như ve; trần như nhộng; trần trụi như nhộng; gầy như ve; mình gầy xác ve; xác như ve, trơ như nhộng; lưng ong, mắt phượng mày ngài; thắt đáy lưng ong…

Sự đánh giá về đặc điểm hình thức của côn trùng có mối liên đới mật thiết đối với sự đánh giá về hình thức của con người được quy chiếu. Ở các ẩn dụ miêu tả đặc điểm hình dáng con người thì *mày ngài, da ngài, lưng ong, râu con kiến* được đánh giá tích cực, là đẹp. Gần ba thế kỉ trước, Nguyễn Du ngợi ca vẻ đẹp của người anh hùng Từ Hải với *Râu hùm, hàm én, mày ngài/Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao* (Truyện Kiều). Theo văn hóa Á Đông, *Lưng ong, mắt phượng mày ngài* hay *Lưng ong, mắt phụng mày tằm* là những thành ngữ chủ yếu để diễn tả vẻ đẹp của người phụ nữ. *Lưng ong* chỉ sự thanh mảnh, uyển chuyển của dáng người. Đặc điểm của *mắt phượng mày ngày* là đôi mắt to, tròn, có hai mí và hơi dài, với đuôi mắt xếch lên giống như phượng hoàng kết hợp với hàng lông mày thanh tú, cong và dài như râu bướm, tạo nên vẻ ngoài kiêu sa, thần thái. Những người phụ nữ có thân hình thon gọn, eo nhỏ và thắt lại như lưng con ong cộng với phần hông nở xưa nay vẫn luôn là tiêu chuẩn của cái đẹp: *Những người thắt đáy lưng ong/Vừa khéo chiều chồng, vừa khéo nuôi con/Những người béo trục béo tròn/Ăn vụng như chớp, đánh con cả ngày/Những người mặt nạc đóm dầy/Mo nang trôi sấp biết ngày nào quên,…* và *mắt phượng mày ngài* theo nhân tướng học thì đây là một trong số tướng mắt quý giá nhất và là thước đo đánh giá vẻ đẹp của người phụ nữ: *Võng cô nằm chơi. Dưới cây sung già. Nhà ai cảnh sắc bốn phương ngỡ bồng lai. Tay xinh dệt tơ. Đàn ngân phím ru giấc mơ. Đẹp sao tỏa sáng trời cao í i a thấy đồng, gian nan lòng cô cũng buồn. Cô che, cô độ, cô thương í i i. Ai là ghế cô mắt phượng mày ngài. Đào mai hờn ghen thua sắc*. (*Mắt phượng mày ngài* – Bùi Tuấn Ngọc).

Trong khi đó, các ẩn dụ còn lại khác trần trụi, trơ (nhộng), gầy (ve), bé (kiến) đều hàm ý là xấu. Điều này cho thấy nếp cảm, nếp nghĩ của người Việt cổ có phần khác với người Việt hiện đại. Trong truyền thống, lẽ thường những đặc điểm vượt mức trung bình kiểu như *mình hạc xác ve, gầy như ve, gầy như xác ve, rạc như ve, bé bằng con kiến*… đều bị đánh giá là tiêu cực, không đẹp. Với xã hội hiện đại, người Việt có cái nhìn rộng mở hơn khi nói về vấn đề cơ thể người, đặc biệt là người phụ nữ. Việc khỏa thân vì mục đích chân chính được xem là đẹp, là ý nghĩa. Hơn nữa, ngày nay, những người mẫu, siêu người mẫu phải là người sở hữu chiều cao với đôi chân dài lí tưởng, vóc dáng *mình hạc xương mai, dáng dây.*

2.2.2. Trang phục của con người là bộ cánh con côn trùng

Ngoài ra, từ miền nguồn côn trùng, ta có tổ hợp *bộ cánh* (thường nói loài bướm) được chuyển sang dùng cho trang phục của con người. Khi đó ta có ẩn dụ ý niệm: Trang phục của con người là bộ cánh bướm (Kiểu như: *Hôm nay diện thế! Bộ cánh mới toanh!/Bộ cánh ấy có vẻ hơi sặc sỡ thì phải./Chao ôi! Nhìn này! Bộ cánh mới đẹp làm sao! Lúc biểu diễn nhìn họ chẳng khác gì đàn bướm đang bay phấp phới.)*.

Trong thế giới tự nhiên xung quanh con người, hình ảnh thực tại của sự vật được người Việt chắt lọc trở thành các biểu tượng bền vững. Ẩn dụ bộ cánh bướm quy chiếu đến trang phục của con người chủ yếu dựa trên đặc điểm màu sắc. Loài bướm với đôi cánh mỏng, phủ một lớp vảy nhỏ như phấn, có nhiều

màu sắc sặc sỡ cộng thêm vẻ đẹp mỏng manh chập chờn với bầu trời và các loài hoa được xem là một trong những loài đẹp nhất trong thế giới côn trùng. Chính đặc điểm hình thức đó đã làm lu mờ bản chất sâu bọ xấu xí đặc trưng của loài. Nhớ đến điển tích *Mộng hồ điệp* hay *Trang Chu mộng hồ điệp* (Trung Quốc), dù không khẳng định hoàn toàn nhưng việc Trang Tử mơ mình hóa bướm, chứ không phải là một loài động vật nào khác, có lẽ một phần xuất phát từ vẻ đẹp ngoại hình của loài côn trùng này. Trong khi đó, ở Nhật Bản, con bướm là biểu hiện của người phụ nữ duyên dáng và nhẹ nhàng [1, tr. 112]. Điều này ít nhiều cũng có nét tương đồng với văn hóa Anh, khi họ nói "Be the Butterfly!" (Hãy là con bướm!) hay *Difficulties are a journey to help you discover yourself. So, go out and become the beautiful butterfly you were meant to be. Thank you for listening!* (Khó khăn là hành trình giúp bạn khám phá bản thân. Vì vậy, hãy ra ngoài và trở thành con bướm xinh đẹp mà bạn muốn).

Còn trong sự liên tưởng của người Việt, loài bướm thường được quy chiếu đến kiểu người mang trang phục đẹp, gây ấn tượng mạnh với mọi người xung quanh. Những gam màu sáng, nóng và có sự pha trộn nhiều màu chính là một tiêu chuẩn quan trọng của mĩ thuật Việt trong truyền thống. Điều này lí giải vì sao trang phục của người Việt cổ lại là những chiếc yếm, áo tứ thân, áo năm thân, áo the, quần lụa, khăn xếp, mấn… được phối màu một cách rất tinh tế. Tâm lí ưa chuộng vẻ đẹp đa sắc màu ấy đến nay vẫn giữ nguyên, nhất là trong thời gian gần đây đánh dấu sự lên ngôi của xu hướng *color block* (hay *color blocking*) (đó là sự kết hợp hai hay nhiều khối màu trên cùng một một mẫu áo, quần, áo tunic, đầm và thậm chí là túi xách hay giày dép, trang sức, phụ kiện. Việc sử dụng trang phục tạo nên phong cách riêng bằng cách đặt các khối đồng màu kế nhau, bao gồm cả màu đơn sắc (monotone), màu tươi, màu trầm, màu tương phản lẫn màu bổ trợ nhau đang nổi lên như một trào lưu trong thời trang Việt hiện đại. Ngoài ra, họa tiết cánh bướm in trên trang phục đã không ít lần làm mưa làm gió và ngày một nổi lên như một trào lưu của giới trẻ.

Tuy nhiên, ta cũng gặp không ít lần biểu tượng này xuất hiện với ý nghĩa xấu, tiêu cực, hàm ý giễu cợt, mỉa mai khi nhắc đến ai đó lòe loẹt như một con bướm, màu mè như cánh bướm, sến sẩm như bướm…Một cách lí giải khả dĩ cho hiện tượng này mà chúng tôi tìm đến đó là do nếp cảm, nếp nghĩ của người Việt. Vốn chịu sự chi phối bởi nền văn hóa nông nghiệp lúa nước, tư duy dân tộc vừa ưa trực quan, sinh động lại coi trọng tính biện chứng, linh hoạt. Bởi thế, từ ngàn đời xưa, ông cha vẫn luôn nhắc nhở con cháu ngoài việc quan tâm vẻ đẹp của hình thức, của trang phục bên ngoài phải biết trân quý giá trị, vẻ đẹp nội dung, đó là quan niệm cái nết đánh chết cái đẹp, tốt gỗ hơn tốt nước sơn.

3. Kết luận

Tìm hiểu quá trình ánh xạ ý niệm từ miền nguồn côn trùng đến đặc điểm hình thức của con người chủ yếu qua ngữ liệu văn học dân gian, ta nhận thấy rất rõ những đặc điểm nổi trội trong tư duy – văn hóa truyền thống của người Việt. Người Việt tri nhận về các thuộc tính phạm trù của côn trùng với nhiều mức độ khác nhau trong đó những nghĩa tố có tần số xuất hiện cao (tên gọi chỉ loại, đặc điểm hình dáng cơ thể, màu sắc, kích cỡ…) là các thuộc tính dễ nhận biết ngay từ sự tri giác cảm tính hết sức nhanh nhạy, mềm dẻo. Điều này phản ánh đặc trưng tư duy - tâm lí dân tộc Việt thiên về kiểu tư duy cụ thể, cảm tính, hành động –trực quan. Ở đó, ông cha ta luôn coi trọng thiên nhiên gắn với lối tư duy trực quan sinh động lại vừa xem trọng, đề cao đạo đức. Đây cũng chính là sản phẩm in đậm dấu ấn bản sắc dân tộc vừa có sự kế thừa, tiếp thu văn hóa Nho giáo Trung Hoa và Phật giáo Ấn Độ. Tuy bước đầu đề cập đến cơ sở và bản chất ánh xạ của ẩn dụ ý niệm côn trùng song đây cũng có thể xem là một nội dung quan trọng để tiếp cận bức tranh ngôn ngữ - văn hóa của dân tộc Việt.

Tài liệu tham khảo

[1] Chevalier Jean, Gheerbrant Alain (Phạm Vĩnh Cư dịch) (2002), *Từ điển biểu tượng văn hóa thế giới*, NXB Đà Nẵng.

[2] Phan Thế Hưng (2009), *Ẩn dụ ý niệm trong tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ khoa học Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

[3] Triều Nguyên (1999), *Tìm hiểu thế giới dưới góc độ ngôn ngữ-văn hóa dân gian người Việt (qua dữ liệu vùng Thừa Thiên-Huế)*, NXB Thuận Hóa, Huế.

[4] Lí Toàn Thắng (2009), *Ngôn ngữ học tri nhận từ lí thuyết đại cương đến thực tiễn tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

[5] Nguyễn Như Ý (chủ biên, 2009), *Đại từ điển tiếng Việt*, NXB TP. Hồ Chí Minh.